

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,179.06	726	14,650,000
Được chi trong ngày					14,650,000
Đã chi trong ngày					14,650,000
1. Dịch vụ					1,470,000
1	Dịch vụ thu		0	376	0
2	Dịch vụ thu		4,200	350	1,470,000
2. Kho					2,549,644
 Ăn chính					2,549,644
1	Gạo tẻ	Kg	23,000	32	736,000
2	Sữa bột Nuti trường học	Kg	259,092	7	1,813,644
3. Đi chợ					10,630,356
 Ăn sáng					3,780,000
1	Khoai lang	Kg	35,000	3	105,000
2	Khoai tây	Kg	22,000	3	66,000
3	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	3	75,000
4	Hành củ tươi	Kg	80,000	1	80,000
5	Tỏi	Kg	150,000	1	150,000
6	Nấm hương tươi	Kg	140,000	3	420,000
7	Dầu thực vật	Chai	50,000	1	50,000
8	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	130,000	6	780,000
9	Tôm biển	Kg	195,000	4	780,000
10	Đường cát	Kg	30,000	1	30,000
11	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1.5	37,500
12	Muối iốt	Gói	4,000	1.63	6,500
13	Đường phèn	Kg	35,000	1	35,000
14	Ngò rí	Kg	50,000	1.3	65,000
15	Xương Heo	Kg	120,000	3	360,000
16	Nui sao	Kg	70,000	9	630,000
17	Hành lá	Kg	50,000	1	50,000
18	Củ cải	Kg	20,000	3	60,000
 Ăn chính					6,850,356
1	Khoai mỡ	Kg	40,000	2.5	100,000
2	Đậu hũ chiên	Kg	4,000	10	40,000
3	Cà chua	Kg	30,000	2.5	75,000
4	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.5	120,000
5	Tỏi	Kg	150,000	0.8	120,000
6	Dầu thực vật	Kg	50,000	1.8	90,000
7	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Chai	130,000	4	520,000
8	Tôm biển	Kg	195,000	5.5	1,072,500
9	Đường cát	Kg	30,000	1.6	48,000
10	Nước mắm cá loại I	Kg	25,000	2.1	52,500
11	Muối iốt	Chai	4,000	1.91	7,656
12	Rau tần ô	Gói	30,000	3	90,000
13	Ngò rí	Kg	50,000	1.5	75,000
14	Sữa chua Ánh Hồng	Kg	4,200	376	1,579,200
15	Cánh gà	Kg	130,000	11	1,430,000

16	Hành lá	Kg	50,000	1.7	85,000
17	Khoai mỡ	Kg	35,000	15.5	542,500
18	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	2	50,000
19	Đường phèn	Kg	35,000	0.8	28,000
20	Xương Heo	Kg	120,000	2	240,000
21	Củ cái	Kg	20,000	3	60,000
22	Bún Khô Safoco	Gói	25,000	17	425,000
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					17,416,848
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					76,227,352
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng					5,151
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					104,035,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					104,035,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kế toán

Người nhận Phó hiệu trưởng

CB Y tế

Phó hiệu trưởng

Phạm Thị Ngà

Phan Thị Hồng Huệ